PHỤ LỤC ĐƠN GIÁ CHO THUÊ NHÀ GẮN VỚI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG QUẢN LÝ, KHAI THÁC (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPTQĐTPHP ngày 20 / 11 /2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Tên cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m²/năm)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Thời hạn cho thuê nhà tối đa (năm)	Vị trí
1	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2. Số 735 đường Nguyễn Văn Linh	Phường An Biên	792.794	408,0	800,0	2	
2	Trụ sở UBND Phường Nam Sơn - Cơ sở 2 (xã Bắc Sơn cũ) (TDP số 2, phường Nam Sơn, quận An Dương)	Phường An Dương	288.356	3.622,7	1.991,8	2	
3	Trường Tiểu Học Quốc Tuấn cs2 (Địa chỉ: TDP Nhu Kiều, Phường An Dương, TP Hải Phòng)	Phường An Dương	1.405.214	2.724,0	222,0	2	
4	Trường mầm non Đặng Cương cơ sở 2	Phường An Dương	1.563.612	1.590,0	150,0	2	
5	Trạm y tế phường Nam Sơn cũ - Tổ dân phố Cách Hạ	Phường An Dương	680.712	2.009,0	600,0	2	
6	Trụ sở cũ của Phòng Y tế quận Ngô Quyền. Số 7 đường Phạm Minh Đức	Phường Gia Viên	1.078.495	100,0	200,0	2	
7	Trụ sở cũ phòng GDĐT quận Ngô Quyền, Địa chỉ: Số 07 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ	Phường Gia Viên	709.662	252,6	567,6	2	
8	Số 40 Đinh Tiên Hoàng	Phường Hồng Bàng	1.137.911	104,3	350,0	2	
9	Trụ sở Đảng ủy - HDND - UBND phường Dư Hàng (cũ) Số 80A Dư Hàng	Phường Lê Chân	451.271	177,0	872,0	2	
10	Trụ sở BHXH cơ sở Lê Chân tại 126 Hai Bà Trưng, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	509.380	105,0	450,0	2	
11	Trụ sở UBND phường Trại Cau cũ (số 90 Mê Linh)	Phường Lê Chân	564.620	149,8	898,8	2	
12	Trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND phường Hồ Nam cũ (số 288 Tô Hiệu, quận Lê Chân cũ)	Phường Lê Chân	1.245.436	102,0	560,0	2	
13	Tòa án nhân dân Lê chân (54 Tô Hiệu)	Phường Lê Chân	1.231.983	370,0	370,0	2	
14	Nhà, đất 83 Dư Hàng (nhận từ BHXH) (Đất trống, tính đơn giá thuê đất)	Phường Lê Chân	123.201	76,1		2	
15	Trụ sở UBND phường Cầu Đất cũ (số 120 Cầu Đất)	Phường Lê Chân	511.339	128,1	778,6	2	
16	Cơ sở Nhà, đất là VKSND quận Ngô Quyền (cũ) nay là phường Ngô Quyền	Phường Ngô Quyền	451.085	86,9	180,0	2	
17	Trường tiểu học Hoàng Động cũ	Phường Thiên Hương	1.386.366	3.511,0	280,0	2	
18	Trụ sở trường mầm non Tự Cường (khu lẻ): thôn Mỹ Ngư xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng	803.243	1.461,0	600,0	2	
19	Nhà Văn hóa thôn Sinh Đan, xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng	736.844	348,0	120,0	2	
20	Trường mầm non Văn Tràng 2	Xã An Lão	1.004.034	673,0	150,0	2	
21	Trường mầm non An Thắng cũ	Xã An Lão	991.958	1.159,0	305,0	2	

PHỤ LỤC ĐƠN GIÁ CHO THUÊ NHÀ GẮN VỚI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG QUẢN LÝ, KHAI THÁC (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPTQĐTPHP ngày 20 / 11 /2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Tên cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m²/năm)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Thời hạn cho thuê nhà tối đa (năm)	Vị trí
22	Trường mầm non Xuân Áng	Xã An Lão	1.394.889	2.023,0	450,0	2	
23	Chốt công an Tú Sơn thôn 6,	xã Kiến Hải	916.960	160,0	40,0	2	
24	Chốt công an Tân Phong (thôn Lão Phú)	xã Kiến Hải	897.655	200,0	40,0	2	
25	Trường Tiểu học Du Lễ (cũ)	xã Nghi Dương	249.759	2.067,0	1.300,0	2	
26	Nhà Trẻ Nam Phong 2	Xã Tân Minh	883.866	600,0	70,0	2	
27	Nhà trẻ Bắc Phong, Thôn Bắc Phong	Xã Tân Minh	835.552	173,8	59,0	2	
28	Cơ sở nhà, đất KBNN Tiên Lãng (cũ)	Xã Tiên Lãng	338.138	925,0	627,0	2	
29	Trụ Sở UBND xã Tiên Thanh cũ: Thôn Hà Đới, xã Tiên Lãng, Hải Phòng	Xã Tiên Lãng	547.432	2.623,8	1.433,0	2	
30	Nhà kho HTX cũ	Xã Vĩnh Am	707.933	60,0	58,0	2	
31	Trụ sở UBND xã Tân Hưng (cũ)	xã Vĩnh Bảo	406.685	1.606,7	900,0	2	
32	Thuế cơ sở 8, xã Vĩnh Hải	Xã Vĩnh Hải	270.011	73,0	51,0	2	
33	Trụ sở UBND xã Vĩnh Hải (Hưng Nhân cũ) Địa chỉ: Thôn An Biên, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Hải	244.874	4.440,0	2.014,8	2	
34	Mẫu giáo Hà Phương cũ	Xã Vĩnh Thịnh	262.185	1.980,0	380,0	2	
35	Trụ sở UBND xã Giang Biên cũ	Xã Vĩnh Thuận	1.010.210	1.116,0	1.143,0	2	
36	Trụ sở nhà làm việc Đội thị chính huyện Cát Hải cũ (thôn 18 Cát Bà, thị trấn Cát Bà cũ)	Đặc Khu Cát Hải	565.416	395,6	467,0	2	
37	Cơ sở nhà, đất KBNN Cát Hải (cũ)	Đặc Khu Cát Hải	859.752	180,0	940,0	2	
38	Trường Tiểu học Hưng Đạo khu Vọng Hải	Phường Hưng Đạo	777.297	355,0	135,0	2	
39	Thuế cơ sở 6, xã Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy	1.579.743	128,6	60,0	2	
40	Trường Mầm non khu xóm Gia xã Minh Tân (cũ)	Xã Kiến Thụy	929.716	1.710,0	651,3	2	
41	Trường MN Hợp Thành	Phường Lê Ích Mộc	406.533	1.846,0	217,6	2	
42	Trường THCS Hợp Thành	Phường Lê Ích Mộc	252.551	2.885,0	758,0	2	
43	Trụ sở UBND xã An Tiến cũ	Xã An Lão	1.273.570	1.890,0	414,0	2	
44	Trụ sở UBND xã Tam Cường (Vĩnh Tiến cũ)	Xã Vĩnh Am	1.263.509	1.450,0	366,0	2	

PHỤ LỤC ĐƠN GIÁ CHO THUÊ NHÀ GẮN VỚI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG QUẢN LÝ, KHAI THÁC (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPTQĐTPHP ngày 20 / 11 /2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Tên cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m²/năm)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Thời hạn cho thuê nhà tối đa (năm)	Vị trí
45	Trường mầm non Thượng Đồng	Xã Vĩnh Hòa	660.826	1.064,0	130,0	2	
46	Nhà quản lý đường tỉnh 353 thuộc Sở Xây dựng	Phường Dương Kinh	1.631.267	600,9	96,7	2	
47	Trụ sở cũ Hội cựu chiến binh quận Ngô Quyền. (Số 205 đường Lê Lợi)	Phường Gia Viên	983.755	56,6	56,6	2	
48	Trạm y tế phường Gia Viên 240 Lê Lợi	Phường Gia Viên	2.168.916	23,6	23,6	2	
49	Trụ sở đội thuế liên phường Phương Lung (đất trống, tính đơn giá theo đất)	Phường Hưng Đạo	128.700	132,0		2	
50	Trụ sở Bảo hiểm xã hội Kiến An cũ (148 Trần Tất Văn)	Phường Phù Liễn	219.218	100,0	133,0	2	
51	Nhà trẻ thôn Đâu Kiên	Xã Vĩnh Lại	644.851	100,0	70,0	2	
52	Nhà Văn hóa thôn Thọ Xuân cũ	Xã Kiến Thụy	720.838	396,0	97,0	2	
53	Trường mầm non thị trấn (khu Bắc Hải)	xã Vĩnh Bảo	1.104.193	389,0	116,0	2	
54	Trụ sở Hội Đông y thành phố Hải Dương (Số 52 Ngân Sơn)	Phường Lê Thanh Nghị	1.246.397	118	118,7	2	
55	Trụ sở HTX DV NN Gia Tân (thôn Lãng Xuyên)	Xã Gia Lộc	1.019.961	1211,8	162	2	
56	Nhà mẫu giáo thôn Đông Hảo, xã Quang Minh (nay là xã Quang Đức), huyện Gia Lộc cũ	Xã Trường Tân	897.651	257,2	80	2	